

Số: 1668 /QĐ-UBND

Mỹ Hào, ngày 02 tháng 10 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất  
cho nhân dân làm nhà ở tại Dự án xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá  
cho nhân dân làm nhà ở phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào (cũ)  
nay là phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ HÀO**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số  
27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ  
chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của  
Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc  
trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2026  
của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng  
đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng  
7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP  
ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số  
71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 quy định về giá đất; số  
226/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 8 năm 2025 sửa đổi, bổ sung  
một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số  
172/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của  
Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo  
Luật số 37/2024/QH15; số 252/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2026 quy  
định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành của Luật  
Quản lý thuế; số 122/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 quy định về phân  
quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý thuế; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12  
tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa  
phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 291/2025/NĐ-  
CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số  
103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử  
dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm*

2024 của Chính phủ quy định về quỹ phát triển đất; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai; số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15; số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 20/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá; tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định khung Giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên số: 812/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 Ban hành Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Bảng giá đất năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Thông báo số 98/TB-SXD ngày 24/3/2020 của Sở xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận Mặt bằng chia lô dự án đầu tư xây dựng: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá cho nhân dân làm nhà ở tại phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào;

Căn cứ Quyết định số 1798/QĐ-CTUBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao đất cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Mỹ Hào để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đấu giá điểm giãn dân khu vực Bần Yên Nhân (Giai đoạn 2);

*Căn cứ Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hào về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá cho nhân dân làm nhà ở phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào (cũ) nay là phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 07/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hào về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá cho nhân dân làm nhà ở phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào (cũ) nay là phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 20/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hào về việc đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại Dự án xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá cho nhân dân làm nhà ở phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào (cũ) nay là phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;*

*Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 624/TTr-KT,HT&ĐT ngày 02 tháng 10 năm 2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá cho nhân dân làm nhà ở phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào (cũ) nay là phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

- Số suất trúng đấu giá: 41 suất.
- Diện tích đất trúng đấu giá: 7.726,57 m<sup>2</sup>.
- Số tiền trúng đấu giá: 314.718.662.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười bốn tỷ, bảy trăm mười tám triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

*(Có danh sách chi tiết kèm theo)*

- Phương thức, thời gian, địa điểm nộp tiền: Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo Thông báo nộp tiền của cơ quan Thuế.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Thuế cơ sở 2 tỉnh Hưng Yên gửi Thông báo nộp tiền trúng đấu giá bằng văn bản cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất; đôn đốc và hướng dẫn người trúng đấu giá kê khai, tiền trúng đấu giá nộp vào Ngân sách nhà nước; phối hợp với cơ quan đơn vị, địa phương liên quan tham mưu xử lý những trường hợp vi phạm thời hạn nộp tiền trúng đấu giá (nếu có).

2. Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất:

- Thực hiện kê khai hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trúng đấu giá;

- Thực hiện việc nộp tiền trúng đấu giá theo Thông báo của Thuế cơ sở 2 tỉnh Hưng Yên sau khi được UBND phường phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

Cụ thể: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất, người trúng đấu giá phải nộp 50% số tiền sử dụng đất theo Thông báo. Trong thời hạn 15 ngày tiếp theo, người trúng đấu giá phải nộp 50% số tiền sử dụng đất còn lại.

***(Tổng thời gian nộp tiền sử dụng đất là 45 ngày kể từ ngày ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan thuế)***

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc. Đối với trường hợp người trúng đấu giá đã nộp nhiều hơn khoản tiền đặt cọc thì được Nhà nước hoàn trả số tiền chênh lệch nhiều hơn so với số tiền đặt cọc theo quy định.

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nhận bàn giao đất tại thực địa, sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường gửi hồ sơ Quyết toán (kinh phí giải phóng mặt bằng và kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật của vị trí đấu giá, kinh phí trích đo các thửa đất để bàn giao đất ngoài thực địa,..) về Kho bạc Nhà nước Khu vực IV để đối trừ trước khi điều tiết tiền sử dụng đất theo quy định.

Phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai số 02, đơn vị liên quan thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận và bàn giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá theo quy định. Đồng thời chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai số 02 để cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng Thuế cơ sở 2 tỉnh Hưng Yên; Kho bạc Nhà nước Khu vực IV; Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai số 02; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan và người trúng đấu giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT, KT, HT&ĐT

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Tuấn**



DANH SÁCH KẾT QUẢ TRÚNG ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại Dự án xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá cho nhân dân làm nhà ở phường Bản Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào (cũ) nay là phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

(Phiên đấu ngày 30/9/2026)

| Stt      | Mã số<br>thẻ | Họ và tên            | Địa chỉ                                                                          | CCCD/<br>CMND | Nơi cấp                         | Số điện thoại | Suất trúng<br>đấu giá | Diện tích<br>trúng đấu<br>giá (m²) | Giá khởi điểm<br>(đồng/m²) | Tổng giá trị suất đất<br>theo giá khởi điểm<br>(đồng) | Chênh lệch (đồng) | Giá trúng<br>(đồng/m2) | Tổng giá trị suất đất<br>theo giá trúng<br>(đồng) | Tiền đặt trước<br>(đồng) | Số tiền còn lại phải<br>nộp<br>(đồng) | Ghi<br>chú |
|----------|--------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|---------------|-----------------------|------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|------------|
| KHU LK10 |              |                      |                                                                                  |               |                                 |               |                       |                                    |                            |                                                       |                   |                        |                                                   |                          |                                       |            |
| 1        | 79.1         | Đỗ Xuân Hiệp         | xã Việt Tiến, tỉnh Hưng<br>Yên                                                   | 033085013725  | Bộ Công an                      | 0978339999    | LK10:16               | 96,00                              | 20.000.000                 | 1.920.000.000                                         | 3.004.800.000     | 51.300.000             | 4.924.800.000                                     | 500.000.000              | 4.424.800.000                         |            |
| 2        | 118.1        | Nguyễn Hồng<br>Ngọc  | Phố Hiến, Hưng Yên                                                               | 033190004423  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0988454657    | LK10:17               | 96,00                              | 20.000.000                 | 1.920.000.000                                         | 2.400.000.000     | 45.000.000             | 4.320.000.000                                     | 500.000.000              | 3.820.000.000                         |            |
| 3        | 79.2         | Đỗ Xuân Hiệp         | xã Việt Tiến, tỉnh Hưng<br>Yên                                                   | 033085013725  | Bộ Công an                      | 0978339999    | LK10:18               | 96,00                              | 20.000.000                 | 1.920.000.000                                         | 2.976.000.000     | 51.000.000             | 4.896.000.000                                     | 500.000.000              | 4.396.000.000                         |            |
| KHU LK11 |              |                      |                                                                                  |               |                                 |               |                       |                                    |                            |                                                       |                   |                        |                                                   |                          |                                       |            |
| 4        | 174.1        | Nguyễn Quỳnh<br>Châu | Khoái Châu, Hưng Yên                                                             | 033190003928  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0945628690    | LK11:01               | 117,23                             | 34.500.000                 | 4.044.435.000                                         | 4.079.604.000     | 69.300.000             | 8.124.039.000                                     | 500.000.000              | 7.624.039.000                         |            |
| 5        | 139.2        | Nguyễn Thị<br>Thanh  | Xóm 2, Thôn Đức<br>Nhuân, Xã Triệu Việt<br>Vương, Tỉnh Hưng Yên                  | 033188007555  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0937129888    | LK11:02               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 3.444.000.000     | 79.200.000             | 5.544.000.000                                     | 500.000.000              | 5.044.000.000                         |            |
| 6        | 139.3        | Nguyễn Thị<br>Thanh  | Xóm 2, Thôn Đức<br>Nhuân, Xã Triệu Việt<br>Vương, Tỉnh Hưng Yên                  | 033188007555  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0937129888    | LK11:03               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 3.430.000.000     | 79.000.000             | 5.530.000.000                                     | 500.000.000              | 5.030.000.000                         |            |
| 7        | 138.1        | Nguyễn Văn<br>Thắng  | Thôn Thiên Lộc, xã Yên<br>Mỹ, tỉnh Hưng Yên                                      | 033093009272  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0971313386    | LK11:04               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 3.213.000.000     | 75.900.000             | 5.313.000.000                                     | 500.000.000              | 4.813.000.000                         |            |
| 8        | 138.2        | Nguyễn Văn<br>Thắng  | Thôn Thiên Lộc, xã Yên<br>Mỹ, tỉnh Hưng Yên                                      | 033093009272  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0971313386    | LK11:05               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 3.353.000.000     | 77.900.000             | 5.453.000.000                                     | 500.000.000              | 4.953.000.000                         |            |
| 9        | 143.2        | Hoàng Thị<br>Hằng    | Thôn Phần Dương, xã<br>Phạm Ngũ Lão, Hưng<br>Yên                                 | 033184014741  | Bộ Công an                      | 0964896222    | LK11:06               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 3.101.000.000     | 74.300.000             | 5.201.000.000                                     | 500.000.000              | 4.701.000.000                         |            |
| 10       | 130.2        | Lê Thị Yến           | Thôn Mễ Hạ, xã Việt<br>Yên, tỉnh Hưng Yên                                        | 033188011051  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0914128613    | LK11:07               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 3.094.000.000     | 74.200.000             | 5.194.000.000                                     | 500.000.000              | 4.694.000.000                         |            |
| 11       | 176.2        | Nguyễn Như<br>Cường  | 587 Quang Lâm, Tổ dân<br>phố Quang Lâm,<br>Phường Phú Lương,<br>Thành phố Hà Nội | 001078004106  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0986158333    | LK11:08               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 3.206.000.000     | 75.800.000             | 5.306.000.000                                     | 500.000.000              | 4.806.000.000                         |            |
| 12       | 62.1         | Nguyễn Văn<br>Hiển   | Đường An, Hải Phòng                                                              | 030201007590  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0988345833    | LK11:09               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 3.052.000.000     | 73.600.000             | 5.152.000.000                                     | 500.000.000              | 4.652.000.000                         |            |
| 13       | 129.3        | Vũ Thị Thùy          | Thôn Bình Phú, xã Việt<br>Yên, Hưng Yên                                          | 033190001772  | Bộ Công an                      | 0943984888    | LK11:10               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 2.723.000.000     | 68.900.000             | 4.823.000.000                                     | 500.000.000              | 4.323.000.000                         |            |
| 14       | 142.1        | Nguyễn Ngọc<br>Ánh   | Thôn Lục Diên, xã Việt<br>Yên, tỉnh Hưng Yên                                     | 033188016064  | Bộ Công an                      | 0988378601    | LK11:11               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 3.402.000.000     | 78.600.000             | 5.502.000.000                                     | 500.000.000              | 5.002.000.000                         |            |
| 15       | 167.1        | Vũ Thị Hương<br>Nhài | Trục Vương, Trần Phú,<br>Hải Phòng                                               | 030189013204  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0986795138    | LK11:12               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 2.807.000.000     | 70.100.000             | 4.907.000.000                                     | 500.000.000              | 4.407.000.000                         |            |
| 16       | 137.1        | Trần Lê Xuân         | KĐT Phúc Thành 3,<br>TDP Phố Bần, phường<br>Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên                | 034188020215  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0964992588    | LK11:13               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 3.381.000.000     | 78.300.000             | 5.481.000.000                                     | 500.000.000              | 4.981.000.000                         |            |
| 17       | 137.2        | Trần Lê Xuân         | KĐT Phúc Thành 3,<br>TDP Phố Bần, phường<br>Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên                | 034188020215  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0964992588    | LK11:14               | 70,00                              | 30.000.000                 | 2.100.000.000                                         | 3.381.000.000     | 78.300.000             | 5.481.000.000                                     | 500.000.000              | 4.981.000.000                         |            |
| 18       | 144.1        | Đỗ Văn Đại           | Thôn Tử Đông, Yên<br>Mỹ, Hưng Yên                                                | 033084006647  | Bộ Công an                      | 0982843888    | LK11:18               | 111,84                             | 34.500.000                 | 3.858.480.000                                         | 3.802.560.000     | 68.500.000             | 7.661.040.000                                     | 500.000.000              | 7.161.040.000                         |            |
| KHU BT1  |              |                      |                                                                                  |               |                                 |               |                       |                                    |                            |                                                       |                   |                        |                                                   |                          |                                       |            |
| 19       | 166.2        | Phạm Thị Thu<br>Hằng | Phù Bình, Đường An,<br>Hải Phòng                                                 | 030305008492  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0             | BT1:01                | 393,02                             | 34.500.000                 | 13.559.190.000                                        | 3.812.294.000     | 44.200.000             | 17.371.484.000                                    | 1.500.000.000            | 15.871.484.000                        |            |
| 20       | 102.1        | Đỗ Phương<br>Anh     | Đường Hào, Hưng Yên                                                              | 033303000442  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0388801699    | BT1:02                | 240,00                             | 20.000.000                 | 4.800.000.000                                         | 2.880.000.000     | 32.000.000             | 7.680.000.000                                     | 1.000.000.000            | 6.680.000.000                         |            |
| 21       | 100.1        | Ngô Thu Hà           | Thôn Trai Trang, xã<br>Yên Mỹ, tỉnh Hưng<br>Yên                                  | 033183001988  | Bộ Công an                      | 0763390799    | BT1:03                | 240,00                             | 20.000.000                 | 4.800.000.000                                         | 2.880.000.000     | 32.000.000             | 7.680.000.000                                     | 1.000.000.000            | 6.680.000.000                         |            |
| 22       | 41.1         | Lê Văn Quỳnh         | Tổ 2, Phố Như Quỳnh,<br>xã Như Quỳnh, tỉnh<br>Hưng Yên                           | 033074004771  | Cục cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0388659128    | BT1:04                | 240,00                             | 20.000.000                 | 4.800.000.000                                         | 2.640.000.000     | 31.000.000             | 7.440.000.000                                     | 1.000.000.000            | 6.440.000.000                         |            |
| 23       | 115.14       | Đỗ Thị Hà Hào        | Đội 3 Tdp Cộng Hòa,<br>phường Mỹ Hào, tỉnh<br>Hưng Yên                           | 019180000838  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0983036812    | BT1:05                | 315,49                             | 23.000.000                 | 7.256.270.000                                         | 3.154.900.000     | 33.000.000             | 10.411.170.000                                    | 1.000.000.000            | 9.411.170.000                         |            |
| 24       | 115.13       | Đỗ Thị Hà Hào        | Đội 3 Tdp Cộng Hòa,<br>phường Mỹ Hào, tỉnh<br>Hưng Yên                           | 019180000838  | Cục Cảnh sát<br>QLHC về<br>TTXH | 0983036812    | BT1:06                | 315,50                             | 23.000.000                 | 7.256.500.000                                         | 2.524.000.000     | 31.000.000             | 9.780.500.000                                     | 1.000.000.000            | 8.780.500.000                         |            |

|           |        |                    |                                                  |              |                           |            |        |         |            |                 |                 |            |                 |                |                 |   |
|-----------|--------|--------------------|--------------------------------------------------|--------------|---------------------------|------------|--------|---------|------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|----------------|-----------------|---|
| 25        | 174.4  | Nguyễn Quỳnh Châu  | Khoái Châu, Hưng Yên                             | 033190003928 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0945628690 | BT1:07 | 240,00  | 20.000.000 | 4.800.000.000   | 2.736.000.000   | 31.400.000 | 7.536.000.000   | 1.000.000.000  | 6.536.000.000   |   |
| 26        | 9.1    | Phạm Ngọc Ánh      | Việt Yên, Hưng Yên                               | 033069009384 | Bộ Công an                | 0973118519 | BT1:08 | 240,00  | 20.000.000 | 4.800.000.000   | 4.848.000.000   | 40.200.000 | 9.648.000.000   | 1.000.000.000  | 8.648.000.000   |   |
| 27        | 115.1  | Đỗ Thị Hà Hào      | Đội 3 Tdp Cộng Hòa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | 019180000838 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0983036812 | BT1:09 | 240,00  | 20.000.000 | 4.800.000.000   | 2.160.000.000   | 29.000.000 | 6.960.000.000   | 1.000.000.000  | 5.960.000.000   |   |
| 28        | 135.2  | Cao Tú Anh         | Đại Đồng, Hưng Yên                               | 033098003134 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0838365688 | BT1:10 | 240,00  | 20.000.000 | 4.800.000.000   | 2.808.000.000   | 31.700.000 | 7.608.000.000   | 1.000.000.000  | 6.608.000.000   |   |
| 29        | 115.15 | Đỗ Thị Hà Hào      | Đội 3 Tdp Cộng Hòa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | 019180000838 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0983036812 | BT1:11 | 251,48  | 34.500.000 | 8.676.060.000   | 3.394.980.000   | 48.000.000 | 12.071.040.000  | 1.000.000.000  | 11.071.040.000  |   |
| 30        | 39.5   | Nguyễn Thị Vân Anh | Mỹ Hào, Hưng Yên                                 | 033191001149 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | 0963152522 | BT2:01 | 268,74  | 23.000.000 | 6.181.020.000   | 2.606.778.000   | 32.700.000 | 8.787.798.000   | 1.000.000.000  | 7.787.798.000   |   |
| 31        | 115.12 | Đỗ Thị Hà Hào      | Đội 3 Tdp Cộng Hòa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | 019180000838 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0983036812 | BT2:02 | 256,00  | 20.000.000 | 5.120.000.000   | 3.328.000.000   | 33.000.000 | 8.448.000.000   | 1.000.000.000  | 7.448.000.000   |   |
| 32        | 115.11 | Đỗ Thị Hà Hào      | Đội 3 Tdp Cộng Hòa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | 019180000838 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0983036812 | BT2:03 | 256,00  | 20.000.000 | 5.120.000.000   | 3.328.000.000   | 33.000.000 | 8.448.000.000   | 1.000.000.000  | 7.448.000.000   |   |
| 33        | 115.10 | Đỗ Thị Hà Hào      | Đội 3 Tdp Cộng Hòa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | 019180000838 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0983036812 | BT2:04 | 256,00  | 20.000.000 | 5.120.000.000   | 3.328.000.000   | 33.000.000 | 8.448.000.000   | 1.000.000.000  | 7.448.000.000   |   |
| 34        | 115.9  | Đỗ Thị Hà Hào      | Đội 3 Tdp Cộng Hòa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | 019180000838 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0983036812 | BT2:05 | 256,00  | 20.000.000 | 5.120.000.000   | 3.328.000.000   | 33.000.000 | 8.448.000.000   | 1.000.000.000  | 7.448.000.000   |   |
| 35        | 95.4   | Hoàng Văn Đại      | Phố Nguyễn Trung Ngạn, xã Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên  | 033084001680 | Bộ Công an                | 0912000499 | BT2:06 | 250,27  | 23.000.000 | 5.756.210.000   | 3.228.483.000   | 35.900.000 | 8.984.693.000   | 1.000.000.000  | 7.984.693.000   |   |
| 36        | 40.1   | Nguyễn Thị Ngọc    | TDP Phố Nối, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên        | 033179002180 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | 0986385666 | BT3:01 | 300,49  | 23.000.000 | 6.911.270.000   | 3.665.978.000   | 35.200.000 | 10.577.248.000  | 1.000.000.000  | 9.577.248.000   |   |
| 37        | 115.7  | Đỗ Thị Hà Hào      | Đội 3 Tdp Cộng Hòa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | 019180000838 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0983036812 | BT3:02 | 300,00  | 20.000.000 | 6.000.000.000   | 3.720.000.000   | 32.400.000 | 9.720.000.000   | 1.000.000.000  | 8.720.000.000   |   |
| 38        | 115.6  | Đỗ Thị Hà Hào      | Đội 3 Tdp Cộng Hòa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | 019180000838 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0983036812 | BT3:03 | 300,00  | 20.000.000 | 6.000.000.000   | 3.720.000.000   | 32.400.000 | 9.720.000.000   | 1.000.000.000  | 8.720.000.000   |   |
| 39        | 115.5  | Đỗ Thị Hà Hào      | Đội 3 Tdp Cộng Hòa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | 019180000838 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0983036812 | BT3:04 | 300,00  | 20.000.000 | 6.000.000.000   | 3.720.000.000   | 32.400.000 | 9.720.000.000   | 1.000.000.000  | 8.720.000.000   |   |
| 40        | 115.4  | Đỗ Thị Hà Hào      | Đội 3 Tdp Cộng Hòa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | 019180000838 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0983036812 | BT3:05 | 300,00  | 20.000.000 | 6.000.000.000   | 3.900.000.000   | 33.000.000 | 9.900.000.000   | 1.000.000.000  | 8.900.000.000   |   |
| 41        | 115.3  | Đỗ Thị Hà Hào      | Đội 3 Tdp Cộng Hòa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | 019180000838 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | 0983036812 | BT3:06 | 300,51  | 23.000.000 | 6.911.730.000   | 3.606.120.000   | 35.000.000 | 10.517.850.000  | 1.000.000.000  | 9.517.850.000   |   |
| TỔNG CỘNG |        |                    |                                                  |              |                           |            |        | 7726,57 |            | 181.551.165.000 | 133.167.497.000 |            | 314.718.662.000 | 32.500.000.000 | 282.218.662.000 | - |